

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Quốc Hiệp	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011)
Ông Cao Tùng Lâm	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011)
Ông Trịnh Ngọc Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Thắng	Ủy viên
Ông Lưu Văn Lạc	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011)
Ông Trần Huy Tường	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011)
Ông Bùi Quang Bách	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2011)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Cao Tùng Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hồng Phúc	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lan ưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm hoạt động. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

---

**Cao Tùng Lâm**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012*

Số: 2703/2012 /BCKT-IFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 26 tháng 03 năm 2012 từ trang 5 đến trang 29 kèm theo. Các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

---

**Khúc Đình Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV  
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

---

**Nguyễn Thị Thanh Hoa**  
**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1402/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011**

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>472.270.810.523</b>	<b>586.751.078.685</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>17.547.959.675</b>	<b>57.441.647.617</b>
1. Tiền	111		17.547.959.675	48.925.647.617
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	8.516.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>105.550.000</b>	<b>850.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	105.550.000	850.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>183.347.175.846</b>	<b>250.259.752.107</b>
1. Phải thu khách hàng	131		168.703.330.190	221.360.965.887
2. Trả trước cho người bán	132		12.412.237.355	21.102.993.727
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	3.563.393.100	7.933.415.330
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.331.784.799)	(137.622.837)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>248.190.190.498</b>	<b>235.963.695.750</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	248.190.190.498	235.963.695.750
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>23.079.934.504</b>	<b>42.235.983.211</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.540.931.242	750.432.683
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.281.780.784	4.344.383.525
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		108.138	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	18.257.114.340	37.141.167.003
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>172.886.460.202</b>	<b>138.519.341.032</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>41.376.152.042</b>	<b>41.488.429.284</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	40.903.238.098	41.034.770.438
- Nguyên giá	222		72.348.167.281	64.662.005.607
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.444.929.183)	(23.627.235.169)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	472.913.944	453.658.846
- Nguyên giá	228		561.227.589	518.537.085
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(88.313.645)	(64.878.239)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>89.160.152.632</b>	<b>39.552.605.929</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	88.460.152.632	30.622.042.096
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	700.000.000	8.930.563.833
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>42.350.155.528</b>	<b>57.478.305.819</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	41.715.158.714	56.710.154.278
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		509.556.534	744.365.541
3. Tài sản dài hạn khác	268		125.440.280	23.786.000
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>645.157.270.725</b>	<b>725.270.419.717</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011**

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>466.645.941.456</b>	<b>550.170.916.493</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>460.016.097.779</b>	<b>545.368.915.350</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	146.726.689.570	147.984.969.538
2. Phải trả người bán	312		99.337.334.418	112.374.069.982
3. Người mua trả tiền trước	313		78.358.355.491	98.499.745.599
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	22.204.389.594	13.292.777.147
5. Phải trả người lao động	315		8.944.444.438	10.127.656.134
6. Chi phí phải trả	316	V.14	22.378.722.646	6.803.437.016
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	79.979.299.053	154.951.776.542
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.086.862.569	1.334.483.392
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.629.843.677</b>	<b>4.802.001.143</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	6.503.306.934	4.662.140.900
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		126.536.743	139.860.243
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>165.927.595.045</b>	<b>164.329.996.714</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>165.927.595.045</b>	<b>164.329.996.714</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		109.999.770.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.600.598.130	37.234.865.500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.573.493.594	1.573.493.594
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.046.567.500)	(1.554.267.370)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.450.838.606	2.129.600.320
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.302.900.962	3.000.507.847
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.046.561.253	21.945.796.823
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>12.583.734.224</b>	<b>10.769.506.510</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>645.157.270.725</b>	<b>725.270.419.717</b>

**Cao Tùng Lâm**  
**Tổng Giám đốc**  
 Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

**Ngô Thị Minh Nguyệt**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN/HN  
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	753.264.994.877	843.384.911.482
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	753.264.994.877	843.384.911.482
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	691.145.180.870	783.429.779.332
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62.119.814.007	59.955.132.150
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.839.773.693	2.409.349.598
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	20.637.846.222	8.790.269.722
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.083.174.872	8.061.206.331
8. Chi phí bán hàng	24		2.917.173.751	290.453.515
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.360.216.067	17.454.536.791
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.044.351.660	35.829.221.720
11. Thu nhập khác	31		5.266.379.323	9.947.548.421
12. Chi phí khác	32		4.433.137.590	8.035.052.489
13. Lợi nhuận khác	40		833.241.733	1.912.495.932
14. Lãi/lãi trong công ty liên kết, liên doanh	45		29.768.925	(114.117.904)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.907.362.318	37.627.599.748
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	2.324.703.787	9.589.368.843
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		234.809.006	(95.792.529)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.347.849.525	28.134.023.434
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		2.175.836.305	2.187.329.199
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		12.172.013.220	25.946.694.235
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	1.114	2.380

Cao Tùng Lâm  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Ngô Thị Minh Nguyệt  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**(Phương pháp trực tiếp)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN/HN  
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01		794.854.399.153	1.015.369.017.306
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(643.611.684.877)	(782.963.814.729)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(94.952.092.623)	(48.271.073.805)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(27.853.362.250)	(14.020.620.996)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.371.928.433)	(4.533.621.230)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		52.418.519.149	121.412.378.833
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(92.048.403.681)	(351.297.527.309)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(12.564.553.562)</b>	<b>(64.305.261.930)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(5.687.454.135)	(56.937.022.537)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(10.085.982.650)	(106.844.363.299)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		21.565.799.477	86.719.855.655
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		(26.500.000.000)	8.526.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.205.196.862	2.247.662.814
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(19.502.440.446)</b>	<b>(66.287.867.367)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		1.605.000.000	96.947.363.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		(1.046.567.500)	(1.554.267.370)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		380.189.095.747	338.828.195.277
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(379.606.209.681)	(292.776.975.018)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.968.012.500)	(5.344.195.098)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.826.693.934)</b>	<b>136.100.120.791</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(39.893.687.942)</b>	<b>5.506.991.494</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>57.441.647.617</b>	<b>51.934.656.123</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>17.547.959.675</b>	<b>57.441.647.617</b>

**Cao Tùng Lâm**  
**Tổng Giám đốc**  
 Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

**Ngô Thị Minh Nguyệt**  
**Kế toán trưởng**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09 -DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần mã số doanh nghiệp là 0101311315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 10 năm 2010 và các lần sửa đổi. Tiền thân của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103001141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2002).

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim trước đây là Công ty TNHH Xây dựng Phục Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2001.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101311315 thay đổi lần thứ 9 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 09 năm 2011, vốn pháp định của Công ty là 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng chẵn) và vốn điều lệ của Công ty là 109.999.770.000 đồng (một trăm linh chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn), tổng số cổ phần tương ứng là 10.999.977 cổ phần và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings có tất cả 03 chi nhánh, 03 công ty con, 03 công ty liên doanh và 01 công ty liên kết. Cụ thể bao gồm:

***Các Chi nhánh:***

- Chi nhánh Miền Nam tại P2006 Lô A, tòa nhà 21 tầng Trung tâm Thương mại, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tầng 4, Tòa nhà Me Kong Tower, số 235-237, 239-241 đường Cộng Hòa, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh; và
- Chi nhánh Thăng Long tại tầng 3 tòa nhà HH2, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

***Các Công ty con:***

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7
- Công ty Cổ phần Thương mại Phục Hưng

***Công ty liên doanh***

- Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic
- Công ty Cổ phần Bất động sản Phục Hưng
- Công ty Cổ phần Bất động sản Nghệ An

***Công ty liên kết***

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật Việt Hưng

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 239 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 194 người)

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng (chủ yếu là thi công các công trình Si lô, ống khói bằng công nghệ ván khuôn trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực);
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt kết cấu thép;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải; kinh doanh phát triển nhà;
- Khoan khảo sát địa chất và xử lý nền móng công trình;
- Thiết kế công trình (thiết kế tổng thể mặt bằng, kết cấu), công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; và
- Thiết kế công trình (thiết kế kiến trúc, tổng thể mặt bằng, nội ngoại thất: đối với công trình dân dụng, công nghiệp...).

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN****Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings, các công ty con là Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, Công ty Cổ phần Thương mại Phục Hưng và Công ty Liên doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH phát triển nhà Viettel Hancic, Công ty Cổ phần Bất động sản Nghệ An, Công ty Cổ phần Bất động sản Phục Hưng và Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật Việt Hưng. Các Báo cáo tài chính năm 2011 của toàn bộ công ty liên doanh và liên kết chưa được kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Đồng thời Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings và các Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau đã được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính, lãi/(lỗ) chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong nội bộ Công ty cũng đã được loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

##### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phân sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**Các khoản khoản đầu tư tài chính dài hạn khác**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm một số khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tài ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho (tiếp theo)**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua trừ (-) các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá, các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản phù hợp với quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính ban hành quy định về Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình chủ yếu thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và có thời hạn của các lô đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán, phần mềm quản lý năng suất lương được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí thuê văn phòng HH2 - Yên Hòa, chi phí quyền được mua sản phẩm của dự án từ Liên doanh và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm. Chi phí thuê Văn phòng HH2 - Yên Hòa được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê văn phòng là 50 năm. Chi phí quyền được mua sản phẩm của dự án từ Liên doanh được phân bổ vào khoản mục “Hàng hóa bất động sản” (giá mua các sản phẩm của dự án từ Liên doanh) tương ứng với phần sản phẩm của dự án mà Liên doanh đã bán cho Công ty.

**Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích với tỷ lệ từ 1% đến 3% quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội và hạch toán theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp”.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng (quyền sử dụng đất, giá trị xây dựng trên đất và căn hộ) được ghi nhận theo số tiền khách hàng thanh toán từng đợt theo tiến độ quy định trên hợp đồng. Công ty phát hành hóa đơn và không phân biệt đã bàn giao hay chưa bàn giao nhà cho khách hàng.

Doanh thu khác được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chuyển đổi ngoại tệ (Tiếp theo)**

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Tổng Giám đốc quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác một phần được tập hợp vào chi phí để tính giá thành và một phần được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích theo hướng dẫn của Nghị định 127/2008/NĐ - CP của Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2008.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	403.239.182	20.973.843.916
Tiền gửi ngân hàng	17.144.720.493	27.951.803.701
Các khoản tương đương tiền (*)	-	8.516.000.000
<b>Cộng</b>	<b>17.547.959.675</b>	<b>57.441.647.617</b>

(\*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn 02 tuần tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô.

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	-	850.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	105.550.000	-
<b>Cộng</b>	<b>105.550.000</b>	<b>850.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

(\*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu khác	3.563.393.100	7.933.415.330
- Các cá nhân	3.563.393.100	5.933.415.330
- Phải thu khác	-	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.563.393.100</b>	<b>7.933.415.330</b>

(\*) Công ty cho các cá nhân trong Công ty vay với thời hạn dưới 1 năm. Công ty tính và thu lãi từ các khoản phải thu khác này với lãi suất từ 18% đến 20%/năm.

**4. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	3.175.516.698	1.975.690.379
Công cụ, dụng cụ	53.531.410	119.145.549
Chi phí SXKD dở dang	212.019.075.602	215.794.333.005
Thành phẩm	-	254.771.544
Hàng hóa	32.942.066.788	17.819.755.273
<b>Cộng</b>	<b>248.190.190.498</b>	<b>235.963.695.750</b>

**5. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	16.669.571.104	36.542.267.503
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.587.543.236	598.899.500
<b>Cộng</b>	<b>18.257.114.340</b>	<b>37.141.167.003</b>

(\*) Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên là những khoản tiền đã tạm ứng cho các đội nhận khoán của Công ty để mua nguyên vật liệu, thanh toán tiền lương.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Tầng 3 nhà HH2, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2011	532.390.727	43.835.841.940	17.688.281.801	1.785.915.548	819.575.591	64.662.005.607
Mua trong năm	-	6.727.385.063	1.867.920.636	541.915.536	200.305.910	9.337.527.145
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.047.619.000)	(564.295.000)	(39.451.471)	-	(1.651.365.471)
Tại ngày 31/12/2011	532.390.727	49.515.608.003	18.991.907.437	2.288.379.613	1.019.881.501	72.348.167.281
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2011	40.731.323	15.680.643.912	6.319.315.011	1.097.560.176	488.984.747	23.627.235.169
Khấu hao trong năm	21.295.633	6.247.374.474	1.825.460.375	675.181.489	14.521.216	8.783.833.187
Thanh lý, nhượng bán	-	(750.793.617)	(188.098.344)	(27.247.212)	-	(966.139.173)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	62.026.956	21.177.224.769	7.956.677.042	1.745.494.453	503.505.963	31.444.929.183
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>491.659.404</b>	<b>28.155.198.028</b>	<b>11.368.966.790</b>	<b>688.355.372</b>	<b>330.590.844</b>	<b>41.034.770.438</b>
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>470.363.771</b>	<b>28.338.383.234</b>	<b>11.035.230.395</b>	<b>542.885.160</b>	<b>516.375.538</b>	<b>40.903.238.098</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của công ty với giá trị khoảng 7.725.750.229 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 khoảng: 4.169.748.088 đồng).

Công ty đã thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 17.194.724.466 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 19.717.270.585 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**7. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyên sử dụng đất VND	Phân mềm kế toán VND	Phân mềm quản lý năng suất lương VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2011	420.000.000	88.537.085	10.000.000	518.537.085
Mua trong năm	-	42.690.504	-	42.690.504
Tại ngày 31/12/2011	420.000.000	131.227.589	10.000.000	561.227.589
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2011	-	54.878.243	9.999.996	64.878.239
Khấu hao trong năm	-	23.435.402	4	23.435.406
Tại ngày 31/12/2011	-	78.313.645	10.000.000	88.313.645
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2011	<b>420.000.000</b>	<b>33.658.842</b>	<b>4</b>	<b>453.658.846</b>
Tại ngày 31/12/2011	<b>420.000.000</b>	<b>52.913.944</b>	<b>-</b>	<b>472.913.944</b>

**8. Đầu tư vào công ty con**

TT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết năm giữ	Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31/12/2011	Hoạt động chính
1.	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	Hà Nội	55%	3.025.000.000	Xây dựng dân dụng, công nghiệp (chủ yếu là thi công các công trình silo, ống khói bằng công nghệ ván trượt, thi công nhà cao tầng, các kết cấu bê tông cốt thép); Xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông thủy lợi,...
2.	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	Thanh Hóa	40%	2.000.000.000	Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật, hạ tầng, khu đô thị, và khu công nghiệp (chủ yếu là thi công các công trình silo, ống khói bằng công nghệ ván trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực),...
3.	Công ty Cổ phần Thương mại Phục Hưng	Hà Nội	65%	6.500.000.000	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Buôn bán vật liệu và thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Buôn bán máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khai khoáng trong xây dựng; Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, tuy nhiên, theo Điều lệ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, Công ty được quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của của công ty này. Theo đó, Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7 vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty và được trình bày là công ty con của Công ty.

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty con như sau:

Công ty con	Tại ngày 31/12/2011		Tại ngày 01/01/2011	
	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	275.000	3.025.000.000	275.000	3.025.000.000
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	650.000	6.500.000.000	650.000	6.500.000.000
<b>Cộng</b>		<b>11.525.000.000</b>		<b>11.525.000.000</b>

**9. Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh**

	Giá gốc của khoản đầu tư VND	Lũy kế các khoản điều chỉnh đến đầu năm nay VND	Các khoản điều chỉnh trong năm nay VND	Số dư cuối năm nay VND
Nhận chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel Hancic (*)	30.736.160.000	(114.117.904)	983.366.301	31.605.408.397
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật Việt Hưng	11.808.341.611	-	(757.596.678)	11.050.744.933
Góp vốn vào Công ty CP Bất động sản Phục Hưng	42.000.000.000	-	(578.399)	41.999.421.601
Góp vốn vào Công ty CP Bất động sản Nghệ An	4.000.000.000	-	(195.422.299)	3.804.577.701
<b>Cộng</b>	<b>88.544.501.611</b>	<b>(114.117.904)</b>	<b>29.768.925</b>	<b>88.460.152.632</b>

(\*) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim số 03/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 01 năm 2009, Công ty đồng ý mua toàn bộ phần vốn góp và quyền lợi của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic. Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư -Xây dựng Hà Nội (Hancic) (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & XNK Phục Hưng Constrexim (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) (bên nhận chuyển nhượng) ngày 5 tháng 11 năm 2009, Công ty đã mua lại 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic với số tiền mua là 110.218.000.000 đồng. Công ty ghi nhận chi phí mua 30% giá trị sổ sách của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Hà nội (Hancic) trong Liên doanh với số tiền là 30.736.160.000 đồng vào khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh”. Phần còn lại Công ty ghi nhận vào khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” (Thuyết minh số V.11).

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**10. Đầu tư dài hạn khác**

Nội dung đầu tư	Tại ngày 31/12/2011		Tại ngày 01/01/2011	
	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)
Góp vốn vào Công ty CP Kiến trúc Phục Hưng	70.000	700.000.000	70.000	700.000.000
Góp vốn vào Công ty CP Sinh viên Vistco (nay được đổi tên thành Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật Việt Hưng) (*)	-	-	688.056	8.230.563.833
<b>Cộng</b>		<b>700.000.000</b>		<b>8.930.563.833</b>

(\*) Năm 2011, Công ty đã đầu tư thêm 357.778 cổ phần vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật Việt Hưng, nâng tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ từ 15,29% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010) lên 25,78%. Theo đó, khoản đầu tư này được chuyển sang trình bày trên khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	15.632.523.175	13.027.404.451
Chi phí thuê văn phòng HH2	2.973.243.544	3.042.659.908
Chi phí quyền được mua sản phẩm từ dự án của Liên doanh (*)	23.109.391.995	40.640.089.919
<b>Cộng</b>	<b>41.715.158.714</b>	<b>56.710.154.278</b>

(\*) Chi phí để có quyền được mua sản phẩm của dự án từ Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel Hancic

**12. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	90.659.866.434	116.735.060.877
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bim Sơn	26.408.198.032	9.017.197.469
- Các tổ chức Tài chính khác	17.620.519.311	11.299.026.191
- Các cá nhân khác	12.038.105.793	10.933.685.001
<b>Cộng</b>	<b>146.726.689.570</b>	<b>147.984.969.538</b>

- Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô gồm các hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 36032.2010/HĐTDHM ngày 08 tháng 06 năm 2010 với thời hạn cung cấp hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày 08 tháng 06 năm 2010. Hạn mức tín dụng theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn này là 112 tỷ và theo Phụ lục hợp đồng tín dụng ngắn hạn ngày 24 tháng 08 năm 2010 thì hạn mức tăng lên là 123,2 tỷ. Các khoản vay trên chịu lãi suất theo từng khế ước nhận nợ cụ thể.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**12. Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)**

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 36032.2011/HĐTDHM ngày 18 tháng 05 năm 2011 với hạn mức dư nợ tối đa là 117 tỷ đồng. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn rút vốn của Hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Công ty vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Các khoản vay trên chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2530767.2011/HĐTDHM ngày 20 tháng 09 năm 2011, số tiền vay theo hạn mức là 14.000.000.000 đồng, thời hạn rút vốn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, thông thường là 6 tháng. Các khoản vay trên chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Gốc vay được trả vào cuối thời hạn vay. Công ty sử dụng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND, ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng, Tổ chức tín dụng khác và tài sản của bên thứ 3 để thế chấp cho khoản vay này.

- Vay ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/11/HĐ/01/1771363 ngày 23/05/2011 với hạn mức tối đa là 30 tỷ đồng, thời hạn hạn rút vốn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Thời hạn vay trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể thông thường là từ 3 đến 6 tháng. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng đã được thỏa thuận, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Lãi vay trả hàng tháng, gốc vay được trả vào cuối thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất.
- Khoản vay ngắn hạn khác theo các hợp đồng vay vốn lưu động được ký kết giữa Công ty và các tổ chức, cá nhân khác. Công ty sử dụng quyền đòi nợ từ hợp đồng thi công công trình số 12/2010/VH ngày 10 tháng 05 năm 2010 giữa Công ty và Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel Hancic để thế chấp cho các khoản vay các tổ chức (hợp đồng thế chấp số 13.10.062.642224). Các khoản vay cá nhân khác không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất từ 1% đến 1,5%/tháng trên chi phí đi vay tùy thuộc vào từng hợp đồng vay, lãi suất này không cố định có thể thay đổi căn cứ vào biến động lãi suất của ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo sự thỏa thuận của hai bên.
- Vay cá nhân là các khoản ngắn hạn các cán bộ, công nhân viên trong Công ty theo từng hợp đồng vay cụ thể, thời hạn dưới 1 năm, lãi vay từ 18%/năm đến 20%/năm.

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	13.310.679.680	5.718.493.427
Thuế xuất, nhập khẩu	123.126.940	301.525
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.448.730.685	7.467.996.356
Thuế thu nhập cá nhân	321.852.289	105.985.839
<b>Cộng</b>	<b>22.204.389.594</b>	<b>13.292.777.147</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****14. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước chi phí xây lắp	21.450.504.085	6.803.437.016
Trích trước chi phí bán hàng	928.218.561	-
<b>Cộng</b>	<b>22.378.722.646</b>	<b>6.803.437.016</b>

**15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	815.105.512	625.914.500
Bảo hiểm xã hội	901.024.938	41.487.107
Bảo hiểm y tế	82.354.449	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.500.000.000	67.050.158.901
Phải trả phải nộp khác	76.632.529.199	87.221.891.384
Bảo hiểm thất nghiệp	48.284.955	12.324.650
<b>Cộng</b>	<b>79.979.299.053</b>	<b>154.951.776.542</b>

**16. Vay và nợ dài hạn**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	2.069.855.800	1.460.870.900
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ	4.433.451.134	3.201.270.000
<b>Cộng</b>	<b>6.503.306.934</b>	<b>4.662.140.900</b>

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô gồm:

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 07.36032.01/HĐTĐTH ngày 06 tháng 03 năm 2007 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ vay. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư văn phòng Công ty tại Yên Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội. Công ty sử dụng giá trị quyền sử dụng diện tích 523m<sup>2</sup> thuê trong 50 năm tại tầng 3 Tòa nhà HH2 - phường Yên Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội để thế chấp cho khoản vay này. Số dư vay trung hạn còn phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 256.077.400 đồng.

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02.36032.09/HĐTĐTH ngày 28 tháng 12 năm 2009 với thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ vay. Khoản vay này được sử dụng để nhập khẩu cầu thép SCM C6018. Công ty sử dụng tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn tự có để thế chấp khoản vay này. Số dư vay trung hạn còn phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 236.793.500 đồng.

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01.36032/2011/HĐTĐTH ngày 27 tháng 04 năm 2011 với thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ vay. Khoản vay này được sử dụng để nhập khẩu Cầu rút bê tông. Công ty sử dụng tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn tự có để thế chấp khoản vay này. Số dư vay trung hạn còn phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.576.984.900 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****16. Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)**

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - chi nhánh Điện Biên Phủ gồm:

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 111.11.062.642224.TD ký ngày 12 tháng 09 năm 2011 với thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư khung giàn giáo và đầu tư vận thăng lồng. Công ty sử dụng tài sản được hình thành từ vốn vay để thế chấp khoản vay này. Số dư vay trung hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là: 2.392.181.134 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 161.10.062.667779.TD ký ngày 12 tháng 10 năm 2010 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 01/161.10.062.667779.TD ký ngày 20 tháng 10 năm 2010, với số tiền vay là 3.491.270.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi vay trả hàng tháng. Gốc vay trả theo qui định tại Phụ lục hợp đồng số 01/161.10.062.667779.TD, chia làm 12 kỳ, bắt đầu từ ngày 28 tháng 12 năm 2010. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản của bên thứ ba.

Các khoản vay dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.040.760.900	2.325.090.000
Trong năm thứ hai	2.454.980.000	1.559.960.900
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.007.566.034	777.090.000
<b>Cộng</b>	<b>6.503.306.934</b>	<b>4.662.140.900</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS**

Tầng 3 nhà HH2, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****17. Vốn chủ sở hữu****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>10.287.502.500</b>	-	-	<b>2.111.342.226</b>	<b>1.391.933.898</b>	<b>5.212.136.805</b>	<b>49.002.915.429</b>
Lợi nhuận trong năm	70.000.000.000	26.947.363.000	-	(1.554.267.370)	-	-	25.946.694.235	121.339.789.865
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	440.684.085	440.684.085
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(4.498.243.500)	(4.498.243.500)
Phân phối các quỹ	-	-	1.573.493.594	-	57.658.094	1.608.573.949	(4.915.997.802)	(1.676.272.165)
Chi thù lao cho HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-	(239.477.000)	(239.477.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(39.400.000)	-	-	(39.400.000)
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>37.234.865.500</b>	<b>1.573.493.594</b>	<b>(1.554.267.370)</b>	<b>2.129.600.320</b>	<b>3.000.507.847</b>	<b>21.945.796.823</b>	<b>164.329.996.714</b>
Phát hành cổ phiếu	9.999.770.000	-	-	(1.046.567.500)	-	-	-	8.953.202.500
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	12.172.013.220	12.172.013.220
Tái phát hành cổ phiếu	-	(634.267.370)	-	1.554.267.370	-	-	-	920.000.000
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	(1.665.965.091)	(1.665.965.091)
Hợp nhất các công ty	-	-	-	-	321.238.286	302.393.115	(1.117.309.699)	(493.678.298)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(17.919.951.000)	(17.919.951.000)
Chi thù lao cho HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-	(368.023.000)	(368.023.000)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>109.999.770.000</b>	<b>36.600.598.130</b>	<b>1.573.493.594</b>	<b>(1.046.567.500)</b>	<b>2.450.838.606</b>	<b>3.302.900.962</b>	<b>13.046.561.253</b>	<b>165.927.595.045</b>

Theo nghị quyết số 01.NQ/2011/PH-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings, Công ty trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền là 1.665.965.091 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2010. Cũng theo Nghị quyết này, Công ty trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 8% lợi nhuận sau thuế năm 2010 (tương ứng 7.920.000.000 đồng), chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế năm 2010 (tương ứng 10.000.000.000 đồng). Đến ngày 15 tháng 07 năm 2011, Trung tâm lưu ký chứng khoán đã thực hiện xong việc chốt quyền được hưởng cổ tức bằng cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**17. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

**b. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>Cổ phần</b>	<b>Cổ phần</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.999.977	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.939.977	9.940.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	110.000	100.000
- Cổ phiếu phổ thông	110.000	100.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.889.977	9.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.829.977	9.840.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phần

Số cổ phần bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu là số cổ phần có nguồn gốc từ việc năm 2003 Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam (Constrexim Holdings) góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) bằng thương hiệu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>753.264.994.877</b>	<b>843.384.911.482</b>
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động xây lắp	617.283.798.926	695.341.085.469
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	44.664.393.046	45.839.911.650
Doanh thu từ văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà	50.420.661.485	102.203.914.363
Doanh thu cung cấp bê tông	40.453.239.482	
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	442.901.938	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>753.264.994.877</b>	<b>843.384.911.482</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hoạt động xây lắp	569.501.116.887	658.809.033.493
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ khác	41.097.801.739	37.632.963.635
Giá vốn từ văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà	43.481.658.745	86.987.782.204
Giá vốn từ hoạt động sản xuất bê tông	36.915.320.728	-
Giá vốn từ hoạt động kinh doanh khác	149.282.771	-
<b>Cộng</b>	<b>691.145.180.870</b>	<b>783.429.779.332</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.229.349.693	2.409.349.598
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.610.424.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.839.773.693</b>	<b>2.409.349.598</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	18.083.174.872	8.061.206.331
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	883.385.614	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	823.950.438	-
Chi phí tài chính khác	847.335.298	729.063.391
<b>Cộng</b>	<b>20.637.846.222</b>	<b>8.790.269.722</b>

**5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Công ty CP Xây dựng Phục Hưng Holdings	1.353.897.443	7.884.517.021
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	371.357.702	543.161.139
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	375.557.954	481.649.189
- Công ty CP Thương mại Phục Hưng	223.890.688	680.041.494
<b>Cộng</b>	<b>2.324.703.787</b>	<b>9.589.368.843</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	12.172.013.220	25.946.694.235
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.925.648	10.899.977
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.114</b>	<b>2.380</b>

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC****1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

*Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm tài chính 2011 như sau:*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Chi bổ sung		Cộng VND	Năm 2010 VND
		Năm 2011 VND	năm 2010 VND		
<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>270.000.000</b>	<b>310.000.000</b>	<b>580.000.000</b>	<b>137.000.000</b>
Cao Tùng Lâm	Chủ tịch HĐQT	78.000.000	150.000.000	228.000.000	44.000.000
Trịnh Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	51.000.000	60.000.000	111.000.000	49.000.000
Nguyễn Đức Thắng	Thành viên HĐQT	51.000.000	100.000.000	151.000.000	44.000.000
Trần Huy Tường	Thành viên HĐQT	45.000.000	-	45.000.000	-
Bùi Quang Bách	Thành viên HĐQT	45.000.000	-	45.000.000	-
<b>Ban kiểm soát</b>		<b>85.500.000</b>	<b>100.000.000</b>	<b>185.500.000</b>	<b>22.000.000</b>
Nguyễn Thị Lan	Trưởng BKS	49.500.000	100.000.000	149.500.000	22.000.000
Tào Minh Dương	BKS	18.000.000	-	18.000.000	-
Nguyễn Thị Thu Thủy	BKS	18.000.000	-	18.000.000	-
<b>Ban Giám đốc</b>		<b>1.647.800.000</b>	<b>-</b>	<b>1.647.800.000</b>	<b>1.222.387.613</b>
Cao Tùng Lâm	Tổng Giám đốc	593.600.000	-	593.600.000	352.447.333
Đỗ Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	299.500.000	-	299.500.000	228.240.000
Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc	306.800.000	-	306.800.000	301.140.280
Bùi Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc	148.400.000	-	148.400.000	112.320.000
Trần Hồng Phúc	Phó Tổng Giám đốc	299.500.000	-	299.500.000	228.240.000

**2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3. Điều chỉnh hồi tố**

Trong năm 2011, Công ty thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10:1 với số tiền tương ứng là 9.999.770.000 đồng (tương đương 999.977 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết số 01.NQ/2011/PH-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011. Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2010 sẽ được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của yếu tố trên như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**3. Điều chỉnh hồi tố(tiếp theo)**

	Năm 2010 Trước điều chỉnh VND	Năm 2010 Sau điều chỉnh VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	25.946.694.235	25.946.694.235
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.166.326	10.899.977
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.208</b>	<b>2.380</b>

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này:

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 (trước phân loại) VND	31/12/2010 (sau phân loại) VND
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>			
1. Hàng tồn kho	141	V.4	168.356.891.158	235.963.695.750
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	67.606.804.592	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>			<b>725.270.419.717</b>	<b>725.270.419.717</b>

\_\_\_\_\_  
**Cao Tùng Lâm**  
**Tổng Giám đốc**  
 Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

\_\_\_\_\_  
**Ngô Thị Minh Nguyệt**  
**Kế toán trưởng**